



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

### I. Lịch sử hoạt động của Công ty

#### 1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist chính thức hoạt động kể từ ngày 25/3/1989 với tên gọi thời điểm đó là Trung tâm dịch vụ Tân Định, lĩnh vực hoạt động chủ yếu là thương mại, khách sạn, và nhà hàng.

Năm 1994, Trung tâm Dịch vụ Tân Định được nâng lên thành Công ty Thương mại và Dịch vụ Du lịch Tân Định trên cơ sở sáp nhập thêm Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Fiditourist trực thuộc Liên hiệp Sản xuất Kinh doanh và Xuất nhập khẩu Quận 1 (Sunimex), sau này là Tổng Công ty Bến Thành.

Tháng 7/2000, căn cứ theo Quyết định số 4583/QĐ.UB.CNV ngày 14/07/2000 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Thương mại và Dịch vụ Du lịch Tân Định là thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn.

Kể từ tháng 1/2005, Công ty Thương mại Dịch vụ Du lịch Tân Định Fiditourist được cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist.

#### 2. Quá trình phát triển

Được thành lập tháng 3/1989 với số vốn 5 triệu đồng, đến nay Công ty cổ phần du lịch Tân Định Fiditourist đang hoạt động với vốn điều lệ là **30.545.000.000 đồng**, chuyên kinh doanh dịch vụ lữ hành, lưu trú, văn phòng cho thuê và các lĩnh vực khác. Liên tục nhiều năm liền kể từ năm 2001 cho đến nay, Fiditour là một trong những doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hàng đầu nằm trong TopTen của Việt Nam. Fiditour cũng là thành viên chính thức của các Hiệp hội Du lịch quốc tế (PATA, ASTA, JATA), Hiệp hội Du lịch Việt Nam (VTA) và Hiệp hội Du lịch Tp.HCM (HTA).

Ngành nghề kinh doanh:

- Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Môi giới vận tải. Kinh doanh vận chuyển khách theo hợp đồng bằng ô tô. Đại lý đổi ngoại tệ.
- Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn. Kinh doanh nhà hàng. Karaoke.
- Mua bán rượu, thuốc lá điếu sản xuất trong nước.
- Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy.
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc.
- Dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ môi giới bất động sản.
- Kinh doanh vũ trường và massage (không kinh doanh tại trụ sở).
- Thiết kế tạo mẫu. Kinh doanh nhà ở. Quản lý dự án công trình công nghiệp, dân dụng.
- Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ dịch vụ mang tính pháp lý).
- Tư vấn du học. Đào tạo dạy nghề.
- Đại lý bảo hiểm. Đại lý vận chuyển hàng hóa. Mua bán mỹ phẩm. Dịch vụ chăm sóc da (trừ các hoạt động dịch vụ gây chảy máu, xông hơi, xoa bóp).
- Cung cấp thông tin lên mạng internet.



- Dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.
- + Tình hình hoạt động năm 2011:

Bước vào năm 2011, nước ta có những thuận lợi cơ bản: Tình hình chính trị ổn định, kinh tế - xã hội có phần phục hồi trong năm 2010 sau hơn một năm bị tác động mạnh của lạm phát tăng cao và suy thoái kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, ngay sau đó những khó khăn, thách thức tiềm ẩn trong nội tại nền kinh tế thế giới với vấn đề nợ công, tăng trưởng kinh tế chậm lại, giá hàng hóa, giá dầu mỏ, giá một số nguyên vật liệu chủ yếu tăng cao. Ở trong nước, lạm phát và mặt bằng lãi suất cao gây áp lực cho sản xuất và đời sống của người dân.

Vì vậy, trong xu thế khó khăn chung, hoạt động của Fiditour cũng bị tác động, tốc độ tăng trưởng không cao, một số điểm đến như Campuchia, Thái Lan, Nhật, Trung Quốc bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lụt, động đất và các nguyên nhân khác. Tuy nhiên, do Công ty đã chủ động ứng phó, áp dụng nhiều giải pháp để khắc phục, tìm hướng ra cho các lĩnh vực kinh doanh nên hiệu quả kinh doanh vẫn đạt hơn năm 2010.

Kết quả kinh doanh năm 2011 với các chỉ tiêu chính như sau :

- Tổng doanh thu	: 495, 6 tỷ.
- Lợi nhuận trước thuế	: 10,587 tỷ
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	: 7,940 tỷ
- Thu nhập bình quân	: 6.300.000 đ/ người
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ	: 35%

Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2011 cho cổ đông với tỷ lệ 22%/ năm. Đối với CBCNV, Công ty thưởng 01 tháng lương trong dịp tết nguyên đán.

Ngày 12/9/2011, cổ phiếu Fiditour (mã FDT) được niêm yết lần đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội, khối lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu: 3.054.500, giá đóng cửa phiên giao dịch đầu tiên là 19.500 đ/ cổ phiếu.

Đi vào hoạt động của từng khối thì khối lữ hành vẫn duy trì được sự tăng trưởng tốt, vượt 9% so với cùng kỳ 2010, trong đó nổi bật là Phòng Du lịch nước ngoài (tăng 18%/năm 2010), phòng Du lịch trong nước (tăng 11%/2010), Trung tâm vận chuyển (tăng 02% / năm 2010) và Chi nhánh Hà Nội có mức tăng ấn tượng nhất (335%) nếu nhìn ở góc độ tỷ lệ so với cùng kỳ. Năm 2011, Công ty đã chuyển Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng thành Chi nhánh. Nhìn chung cả ba chi nhánh đều đã khẳng định được vị thế của Fiditour tại khu vực, tạo điều kiện thâm nhập sâu hơn vào thị trường, góp phần làm tốt hơn công tác chăm sóc khách hàng. Một số lĩnh vực như du học, event cũng đang từng bước có thị phần ổn định.

Khối lưu trú vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, tuy nhiên lợi nhuận của khách sạn Hoàng Gia đã có sự bứt phá đáng kể, đạt 2, 348 triệu tăng 26% so với cùng kỳ. Nhà hàng xoay đã có lãi, doanh thu tháng đạt bình quân trên 300 triệu và có chiều hướng phát triển tốt.

Năm 2011, Công ty đã đầu tư chỉnh trang nhà hàng xoay Hoàng Gia với kinh phí hơn 1.4 tỷ và phải tạm ngưng kinh doanh trong vòng 04 tháng.

Nhìn chung, hiệu quả kinh doanh năm 2011 đạt tương đối khá, dù một số Chi nhánh như Cần Thơ, Đà Nẵng và Nhà hàng xoay (do tạm ngưng kinh doanh 4 tháng để sửa chữa) còn bị lỗ khoảng 1.5 tỷ (bao gồm chi phí lương, thuê mặt bằng, quảng cáo...). Việc chấp nhận tăng cường đầu tư cho các chi nhánh là một trong những định hướng phát triển của Công ty bởi khu vực đồng bằng sông Cửu Long đang chuyển mình phát triển mạnh, tuy nhiên thói quen sử dụng dịch vụ chất lượng thấp, giá rẻ của cư dân làm cho hiệu quả kinh doanh chưa đạt như mong muốn, phải từng bước chuyển dịch, hướng khách hàng đến việc sử dụng dịch vụ đạt chất lượng cao hơn. Riêng khu vực miền trung có lợi thế du lịch liên tuyến quốc tế Lào – Thái, cùng với việc sở hữu

các bãi biển đẹp, cơ sở vật chất tốt cũng là nguồn thu hút khách rất khả quan. Hiện tại Tổng cục du lịch và Sở du lịch Đà Nẵng đã triển khai các hoạt động thu hút khách quốc tế từ Thái, Lào.

Trong năm 2011, Công ty tiếp tục đạt các giải thưởng của Hiệp hội du lịch Việt Nam phối hợp với Tổng cục du lịch phối hợp trao tặng :

- Danh hiệu "MỘT TRONG MƯỜI HÀNG LŨ HÀNH QUỐC TẾ HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (TOP TEN)".
- Danh hiệu **Hạng Nhì CÔNG TY LŨ HÀNH NỘI ĐỊA HÀNG ĐẦU VIỆT NAM**.

Đây là lần thứ 11 liên tiếp Fiditour đạt được danh hiệu cao quý này. Kết quả trên như một phần thưởng xứng đáng cho định hướng phát triển đúng đắn của Fiditour, xác định chất lượng sản phẩm và hoạt động chăm sóc khách hàng là lợi thế cạnh tranh cốt lõi của dịch vụ Fiditour.

### **3. Định hướng phát triển**

- + Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :
- Công ty du lịch hàng đầu :
  - + về chất lượng .
  - + về chăm sóc khách hàng .
  - + về sự đa dạng của sản phẩm dịch vụ.
- Kiên trì chính sách quản lý chất lượng, chính sách chăm sóc khách hàng, đối tác, nội bộ ...và đa dạng hóa các hình thức chăm sóc.
- Thực hiện chính sách tăng hàm lượng trí tuệ trong sản phẩm: Làm tinh tế sản phẩm, tăng tiện ích cho du khách.
  - Đầu tư trong việc ra tạo sản phẩm mới.
  - Thực hiện chính sách quảng bá :
    - + Thông nhất, đồng bộ.
    - + Ứng dụng các công nghệ hiện đại.
    - + Đa dạng về hình thức và nội dung.
  - Tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị nhằm tiết kiệm nguồn lực và nâng cao hiệu quả hoạt động.
    - Phát triển kinh doanh cả chiều rộng lẫn chiều sâu nhất là trong lĩnh vực lữ hành, lấy hiệu quả làm yêu cầu cao nhất. Phản ứng nhanh nhạy, linh hoạt với tình hình của thị trường.
    - Tiếp tục thực hiện chính sách “Học tập thường xuyên” trong toàn Công ty.
    - Nâng cao chất lượng chính sách truyền thông nội bộ
    - Củng cố, duy trì văn hóa công ty: tạo môi trường làm việc mở, hòa hợp, lịch thiệp và có nhiều cơ hội phát triển cho nhân viên.
  - + Chiến lược phát triển trung và dài hạn :
  - Tiếp tục và nỗ lực trong danh sách ba doanh nghiệp lữ hành hàng đầu Việt Nam.
  - Chất lượng đạt chuẩn quốc tế
  - Hệ thống chi nhánh - đại lý đạt chuẩn.
  - Chuyên nghiệp hóa hoạt động kinh doanh, quản lý tốt: Cải tiến môi trường và phong cách làm việc, cải tiến hệ thống quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng .

## **II. Báo cáo của Hội đồng quản trị**

### **1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm**

Năm 2011, khối lữ hành vẫn duy trì được sự tăng trưởng, tuy không tốt như cùng kỳ năm trước. Các đơn vị: phòng du lịch nước ngoài, du lịch trong nước, đại lý vé máy bay vẫn tiếp tục

khẳng định được vị thế dẫn đầu trong toàn Công ty, Trung tâm vận chuyển có sự phát triển tốt hơn 2010. Lĩnh vực du học đang được đẩy mạnh, củng cố nội lực và phát triển mạng lưới các trường. Phòng Sự kiện đã đáp ứng được nhu cầu nội bộ và phát triển kinh doanh ra bên ngoài. Chi nhánh Hà Nội hoạt động ổn định, lực lượng tiếp thị được tăng cường, duy trì và phát triển được nguồn khách riêng. Chi nhánh Cần Thơ đang từng bước xây dựng thương hiệu tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Chi nhánh Đà Nẵng tuy mới chuyển từ Văn phòng đại diện nhưng cũng có những thuận lợi trong tiếp cận nguồn khách trong khu vực và khách inbound từ thị trường Lào, Thái. Các Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh đã phát huy được vai trò cầu nối giữa khách và các dịch vụ của Công ty. Đối với khôi lưu trú, tình hình kinh doanh tiếp tục không khả quan, do tính cạnh tranh ngày càng quyết liệt, chi phí ngày càng tăng cao. Lĩnh vực cho thuê văn phòng cũng chứng lại vì diện tích cho thuê giảm. Về công tác quảng bá, quảng cáo, chăm sóc khách hàng đều có sự phát triển hơn so với năm trước, các trang web của Công ty được quan tâm đầu tư, cải tiến giao diện. Việc xây dựng các sản phẩm mới cũng được chú trọng, mở thêm được thị phần và thu hút nguồn khách mới. Trong năm 2011, Công ty đã tiến hành cải tạo, sửa chữa, nâng chuẩn nhà hàng xoay và tái khai trương trở lại đầu tháng 11/2011.

## **2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch và cùng kỳ**

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2010	Thực hiện 2011	TH/K H	2011/ 2010
Doanh thu	492,298,000,000	381,609,673,471	460,027,331,377	0.93	1.21
Lợi nhuận trước thuế	11,236,000,000	10,209,489,565	10,445,596,845	0.93	1.02
Lợi nhuận sau thuế	8,427,000,000	7,689,498,616	7,825,941,237	0.93	1.02
Chia cổ tức cho cổ đông	6,720,000,000	6,109,000,000	6,719,900,000	1.00	1.10
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,025,000,000	948,299,170	940,135,051	0.92	0.99
Quỹ đầu tư phát triển	341,000,000	316,099,723	165,906,186	0.49	0.52
Quỹ dự phòng tài chính	341,000,000	316,099,723		0	0

## **3. Những thay đổi chủ yếu trong năm**

Năm 2011, Công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư nguồn lực tài chính, nhân sự cho hệ thống Chi nhánh Hà Nội, Cần Thơ, chuyển Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng thành Chi nhánh.

## **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai**

- Tiếp tục đầu tư cho lĩnh vực du lịch (sản phẩm, chất lượng, nhân lực...), phần đầu trở thành một trong ba hãng lữ hành hàng đầu của Việt Nam.
- Mở rộng hệ thống phân phối thông qua kênh đại lý, cải tiến hình thức hợp tác, ứng dụng phần mềm và công nghệ nhằm tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin cũng như thúc đẩy, hậu thuẫn bán sản phẩm.
- Tập trung mở rộng lĩnh vực kinh doanh, đầu tư sâu lĩnh vực vận chuyển, du học, sự kiện, tiếp tục tìm cơ hội phát triển ở một số lĩnh vực khác để đa dạng hoạt động.

## **III. Báo cáo của Ban giám đốc**

## **I. Báo cáo tình hình tài chính**

### **1.1 Phân tích một số chỉ số tài chính**

<u>Chỉ tiêu khả năng sinh lời và khả năng thanh toán:</u>	<i>Năm 2011</i>	<i>Năm 2010</i>
LN trước thuế/ vốn CSH bình quân (ROE)	19.2%	18%
LN trước thuế/ tổng tài sản bình quân (ROA)	8.89%	6.82%
Khả năng thanh toán nhanh	1.49 lần	1.35 lần
Khả năng thanh toán hiện hành	1.92 lần	1.84 lần

### **1.2 Những thay đổi về vốn cổ đông:**

Tính đến thời điểm 31/12/2011, FIDITOUR có tổng cộng 3.054.500 cổ phần đang lưu hành (100% là cổ phiếu phổ thông). Tổng vốn điều lệ là 30.545.000.000đ

### **1.3 Cổ tức:**

Tỷ lệ cổ tức chia cho cổ đông năm 2011 là 22%, tăng 2% so với năm 2010.

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (số liệu bảng II.2)**

Hầu hết các chỉ tiêu hoạt động năm 2009 đều vượt mức kế hoạch đặt ra. Theo đó, FIDITOUR vẫn đang duy trì vị thế một trong mười công ty lữ hành hàng đầu .

### **3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Tiếp tục tăng cường công tác quản lý chiêu sâu, triển khai đồng bộ các chương trình tài chính, nhân sự, điều hành và cải thiện sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị kinh doanh, nghiệp vụ trong công tác quảng bá, tiếp thị, chăm sóc khách hàng, xây dựng sản phẩm mới.

- Các biện pháp kiểm soát: Kiểm soát tài chính, đầu vào dịch vụ, lựa chọn kỹ đối tác nhằm giảm thiểu giá thành, tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm của Công ty.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- Tập trung đầu tư cho lĩnh vực du học, vận chuyển.
- Đẩy sâu khai thác lĩnh vực lữ hành: Tăng cường tiện ích cho du khách, mở tuyến đi mới, làm mới các chương trình hiện có.
- Tiếp tục đầu tư xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, tận tâm

## **IV. Báo cáo tài chính**

**BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>92.749.426.062</b>	<b>132.171.385.717</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>25.748.095.850</b>	<b>37.379.639.805</b>
1. Tiền	111		14.948.095.850	16.179.639.805
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.800.000.000	21.200.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			<b>59.018.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121			225.650.862
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			(166.632.862)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>30.831.753.577</b>	<b>40.422.816.883</b>
1. Phải thu khách hàng	131		22.383.155.007	31.687.108.763
2. Trả trước cho người bán	132		8.123.585.871	7.147.731.502
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	325.012.699	1.587.976.618
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20.782.147.224</b>	<b>34.942.549.589</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.3	20.782.147.224	34.942.549.589
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.387.429.411</b>	<b>19.367.361.440</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.552.072.686	1.058.939.038
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		80.823.541	15.552.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	13.754.533.184	18.292.870.402
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>24.723.146.709</b>	<b>26.734.045.886</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>23.700.000</b>	<b>31.600.000</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.5	23.700.000	31.600.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.896.160.581</b>	<b>20.478.762.620</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		17.835.115.817	20.180.982.012
<i>Nguyên giá</i>	222		48.188.726.186	47.180.236.481
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(30.353.610.369)	(26.999.254.469)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	48.147.037	47.088.677
<i>Nguyên giá</i>	228		147.507.544	205.607.544
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(99.360.507)	(158.518.867)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		12.897.727	250.691.931
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.8	<b>3.687.562.297</b>	<b>2.837.120.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.864.430.862	2.837.120.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(176.868.565)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.115.723.831</b>	<b>3.386.563.266</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.618.549.431	2.949.388.866
3. Tài sản dài hạn khác	268		497.174.400	437.174.400
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>117.472.572.771</b>	<b>158.905.431.603</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>63.078.110.221</b>	<b>104.676.875.240</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>48.203.859.710</b>	<b>71.969.495.427</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	545.000.000	545.000.000
2. Phải trả người bán	312		6.068.189.484	9.626.546.777
3. Người mua trả tiền trước	313		33.523.765.504	45.125.645.442
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	1.760.486.179	2.213.215.005
5. Phải trả người lao động	315		668.152.496	2.950.970.261
6. Chi phí phải trả	316	V.11	1.554.570.257	2.031.853.383
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	2.853.801.779	8.373.849.238
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.229.894.011	1.102.415.321
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.874.250.511</b>	<b>32.707.379.813</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.13	1.311.598.198	1.093.445.510
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		131.644.700	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.14	13.431.007.613	31.613.934.303
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>54.394.462.550</b>	<b>54.228.556.363</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>54.394.462.550</b>	<b>54.228.556.363</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.545.000.000	30.545.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.508.056.477	5.342.150.291
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.619.248.600	1.619.248.600
10. Lợi nhuận sau thuế chia phân phối	420		16.722.157.473	16.722.157.472
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>117.472.572.771</b>	<b>158.905.431.603</b>

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Đơn vị	31/12/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại	USD	2.942	81.137,51

Nguyễn Việt Hùng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 19 tháng 3 năm 2012

Lê Thị Hoàng Hà  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	460.027.331.377	381.609.673.471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		686.511.787	529.974.521
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		459.340.819.590	381.079.698.950
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	431.818.678.952	356.907.431.056
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.522.140.638	24.172.267.894
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.914.423.027	3.476.500.019
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	313.373.256	351.652.325
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55.590.000	55.590.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.419.312.412	19.237.526.952
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.703.877.997	8.059.588.636
11. Thu nhập khác	31	VI.5	3.851.229.777	2.516.749.396
12. Chi phí khác	32	VI.6	109.510.929	366.848.467
13. Lợi nhuận khác	40		3.741.718.848	2.149.900.929
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.445.596.845	10.209.489.565
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	2.619.655.608	2.519.990.949
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.825.941.237	7.689.498.616
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2.562	2.517

---

Nguyễn Việt Hùng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 19 tháng 3 năm 2012

---

Lê Thị Hoàng Hà  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>10.445.596.845</b>	<b>10.209.489.565</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao TS&Đ	02	4.180.689.582	3.533.866.829
- Các khoản dự phòng	03	10.235.703	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(129.491.660)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.913.612.076)	(3.924.934.760)
- Chi phí lãi vay	06	55.590.000	55.590.000
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>11.649.008.394</b>	<b>9.874.011.634</b>
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	14.132.028.983	(32.463.689.183)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	14.160.402.365	(17.976.554.712)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(39.353.269.927)	47.957.545.825
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(162.294.213)	(1.629.791.368)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(55.590.000)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.437.962.752)	(2.422.569.988)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	618.417.000	822.155.904
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.089.803.499)	(1.217.558.808)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.539.063.649)</b>	<b>2.943.549.304</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TS&Đ	21	(1.620.877.153)	(9.045.945.945)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TS&Đ	22	203.300.000	846.300.002
3. Chi tiền cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(12.956.000)
4. Thu hồi tiền cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(801.660.000)	(607.400.000)
8. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.733.101.686	3.389.110.552
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>513.864.533</b>	<b>4.569.108.609</b>
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.735.836.500)	(2.998.708.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(9.735.836.500)</b>	<b>(2.998.708.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(11.761.035.616)</b>	<b>4.513.949.913</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>37.379.639.805</b>	<b>32.865.689.892</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	129.491.660	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>25.748.095.850</b>	<b>37.379.639.805</b>

Nguyễn Việt Hùng  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 19 tháng 3 năm 2012

Lê Thị Hoàng Hà  
 Kế toán trưởng

## I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 4966/QĐ-UB ngày 07 tháng 10 năm 2004 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 24 tháng 1 năm 2005 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 10 năm 2010, Vốn điều lệ của Công ty là : 30.545.000.000 đồng, tổng số Cổ phiếu là 3.054.500 đơn vị với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 127 - 129 - 129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 537 người (năm 2010 là 564 người).

#### Chi nhánh:

- Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist – Chi nhánh Cần Thơ  
*Địa chỉ: Số 71 Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ*
- Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist – Chi nhánh Hà Nội  
*Địa chỉ: 34 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội*
- Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist – Chi nhánh Đà Nẵng  
*Địa chỉ: 47B Lê Duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng*
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist – Chi nhánh Chợ Lớn  
*Địa chỉ: 385 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh*
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist – Khách sạn Hoàng Gia  
*Địa chỉ: 12D Cách mạng Tháng 8, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh*
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist – Khách sạn Tân Định  
*Địa chỉ: 50A Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh*
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist – Khách sạn Đặng Dung  
*Địa chỉ: 54 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh*
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist – Chi nhánh Hàng Xanh  
*Địa chỉ: 271 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 15, Quận Bình Thạnh*

#### Văn phòng đại diện

- Văn Phòng Đại Diện Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist  
*Địa chỉ: 445 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh*

## **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

**Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:**

- Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, môi giới vận tải, kinh doanh vận chuyển khách theo hợp đồng bằng ô tô;
- Đại lý đổi ngoại tệ;
- Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn, kinh doanh nhà hàng, karaoke;
- Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc;
- Dịch vụ quảng cáo, dịch vụ môi giới bất động sản, kinh doanh vũ trường và massage (không kinh doanh tại trụ sở);
- Thiết kế tạo mẫu, kinh doanh nhà ở, quản lý dự án công trình công nghiệp, dân dụng, dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ dịch vụ mang tính pháp lý);
- Tư vấn du học, đào tạo dạy nghề, đại lý bảo hiểm, đại lý vận chuyển hàng hóa, mua bán mỹ phẩm, dịch vụ chăm sóc da (trừ các hoạt động dịch vụ gây chảy máu, xông hơi, xoa bóp);
- Cung cấp thông tin lên mạng internet;
- Dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

## **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung.

## **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

## Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí đầu tư xây dựng, chi phí lãi vay đủ điều kiện được vốn hóa và chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 12

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán

### Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo với thời hạn từ một năm trở lên và các khoản chi phí khác có liên quan đến hơn một kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này. Ngoài ra, các khoản nhận góp vốn liên doanh cũng được ghi nhận vào khoản mục này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trù vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở đòn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN theo quy định hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	4.625.754.994	4.532.662.981
Tiền gửi ngân hàng	10.322.340.856	11.646.976.824
Các khoản tương đương tiền	<u>10.800.000.000</u>	<u>21.200.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>25.748.095.850</u></b>	<b><u>37.379.639.805</u></b>

### 2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu về các khoản chi hộ tour du lịch nước ngoài	158.554.764	908.420.472
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	41.223.000	-
Phải thu khác	<u>125.234.935</u>	<u>679.556.146</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>325.012.699</u></b>	<b><u>1.587.976.618</u></b>

**3. Hàng tồn kho**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	55.827.281	60.019.263
Công cụ, dụng cụ	80.950.200	126.533.400
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.494.889.310	34.605.686.093
Hàng hóa	150.480.433	150.310.833
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>20.782.147.224</b>	<b>34.942.549.589</b>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là chi phí các tour đã và đang thực hiện tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 nhưng chưa được quyết toán.

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng cho nhân viên	13.754.533.184	18.292.870.402
<b>Cộng</b>	<b>13.754.533.184</b>	<b>18.292.870.402</b>

Tài sản ngắn hạn khác thể hiện khoản tạm ứng cho nhân viên bộ phận lữ hành để thực hiện các tour du lịch và nhân viên phòng vé để thực hiện mua vé máy bay.

**5. Phải thu dài hạn khác**

Phải thu dài hạn khác thể hiện số tiền phải thu nhân viên về cổ phần hóa.

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	27.157.896.412	6.578.073.824	10.740.263.759	2.704.002.486	47.180.236.481
Mua trong năm	1.136.363.636	297.064.622	25.900.000	196.163.854	1.655.492.112
Tăng từ đầu tư XDCB hoàn thành	184.279.245	-	-	-	184.279.245
Thanh lý, nhượng bán	(31.240.080)	(386.100.462)	(362.380.982)	(51.560.128)	(831.281.652)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>28.447.299.213</b>	<b>6.489.037.984</b>	<b>10.403.782.777</b>	<b>2.848.606.212</b>	<b>48.188.726.186</b>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2011	17.767.293.983	4.448.326.488	3.136.182.193	1.647.451.805	26.999.254.469
Khấu hao trong năm	2.177.351.569	471.246.945	1.229.126.676	285.122.752	4.162.847.942
Thanh lý, nhượng bán	(3.905.010)	(386.100.462)	(362.380.982)	(51.560.128)	(803.946.582)
Giảm khác	-	-	-	(4.545.460)	(4.545.460)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>19.940.740.542</b>	<b>4.533.472.971</b>	<b>4.002.927.887</b>	<b>1.876.468.969</b>	<b>30.353.610.369</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 01/01/2011	9.390.602.429	2.129.747.336	7.604.081.566	1.056.550.681	20.180.982.012
Tại ngày 31/12/2011	8.506.558.671	1.955.565.013	6.400.854.890	972.137.243	17.835.115.817

**7. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2011	205.607.544	205.607.544
Tăng trong năm	18.900.000	18.900.000
Thanh lý	(77.000.000)	(77.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>147.507.544</b>	<b>147.507.544</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2011	158.518.867	158.518.867
Khâu hao trong năm	17.841.640	17.841.640
Giảm do thanh lý	(77.000.000)	(77.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>99.360.507</b>	<b>99.360.507</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>47.088.677</b>	<b>47.088.677</b>
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>48.147.037</b>	<b>48.147.037</b>

**8. Đầu tư dài hạn khác**

Tên Công ty	31/12/2011		01/01/2011	
	Số cổ phần	Giá trị đầu tư VND	Số cổ phần	Giá trị đầu tư VND
Công ty CP Du lịch Bình Châu	303.878	3.038.780.000	223.712	2.237.120.000
Công ty CP Sài Gòn Sông Cầu	20.000	200.000.000	20.000	200.000.000
Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC	20.000	400.000.000	20.000	400.000.000
Công ty CP Cao su Đà Nẵng	5	679.975	-	-
Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	650	97.469.462	-	-
Công ty CP Nam Việt	240	20.933.400	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.765	106.568.025	-	-
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn khác</b>		<b>3.864.430.862</b>		<b>2.837.120.000</b>
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác		(176.868.565)		-
<b>Giá trị thuần của đầu tư dài hạn khác</b>		<b>3.687.562.297</b>		<b>2.837.120.000</b>

**9. Vay và nợ ngắn hạn**

Số dư của khoản vay và nợ ngắn hạn thể hiện khoản vay của Công Đoàn Viện Kiểm soát Nhân dân Quận 1 với tổng số tiền là 545.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 năm, lãi suất cho vay là 0,85%/tháng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	333.561.342	1.292.279.363
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	15.352.693
Thuế thu nhập doanh nghiệp	904.347.208	722.654.352
Thuế thu nhập cá nhân	522.577.629	182.928.597
<b>Cộng</b>	<b>1.760.486.179</b>	<b>2.213.215.005</b>

**11. Chi phí phải trả**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí tư vấn niêm yết chứng khoán phải trả ACB	-	36.363.636
Chi phí phải trả - cuộc thi tác phong chuyên nghiệp 2010	-	30.000.000
Thù lao HĐQT, BKS phải trả	114.744.000	133.770.000
Chi phí phải trả - quà tặng đối tác	-	310.103.488
Chi phí vé hàng không	575.060.210	635.587.060
Chi phí tour tạm tính	64.465.518	208.448.987
Chi phí khác	21.717.729	677.580.212
Chi phí thuê đất	778.582.800	-
<b>Cộng</b>	<b>1.554.570.257</b>	<b>2.031.853.383</b>

**12. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	539.144.976	549.756.841
Bảo hiểm xã hội	-	190.064.869
Bảo hiểm y tế	149.399.992	154.144.630
Bảo hiểm thất nghiệp	-	20.122.506
Quỹ xã hội của người lao động	374.278.545	374.278.545
Phải trả về cổ phần hóa	317.100.000	317.100.000
Cổ tức phải trả	52.000.000	3.110.292.000
Phải trả khác	1.421.878.266	3.658.089.847
<b>Cộng</b>	<b>2.853.801.779</b>	<b>8.373.849.238</b>

**13. Phải trả dài hạn**

Phải trả dài hạn là các khoản nhận tiền đặt cọc của các khách hàng thuê văn phòng và thuê mặt bằng của Công ty.

**14. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện doanh thu của các tour du lịch đã hoàn thành và đã xuất hóa đơn cho khách hàng. Tuy nhiên, do chưa tập hợp được đầy đủ chi phí để ghi nhận giá vốn nên chưa thể ghi nhận vào doanh thu trong kỳ.

15. Vốn chủ sở hữu  
 a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2010	30.545.000.000	5.026.050.568	1.303.148.877	16.722.157.472	53.596.356.917
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.689.498.616	7.689.498.616
Trích các quỹ trong năm trước	-	316.099.723	316.099.723	(1.580.498.616)	(948.299.170)
Chia cổ tức	-	-	-	(6.109.000.000)	(6.109.000.000)
Tại ngày 01/01/2011	30.545.000.000	5.342.150.291	1.619.248.600	16.722.157.472	54.228.556.363
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.825.941.237	7.825.941.237
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	165.906.186	-	(165.906.186)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(940.135.051)	(940.135.051)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(6.719.900.000)	(6.719.900.000)
Tại ngày 31/12/2011	<u>30.545.000.000</u>	<u>5.508.056.477</u>	<u>1.619.248.600</u>	<u>16.722.157.473</u>	<u>54.304.462.550</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn góp của Nhà Nước	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	<u>24.545.000.000</u>	<u>24.545.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>30.545.000.000</u></b>	<b><u>30.545.000.000</u></b>

c. Cổ phần

	Năm 2011 cổ phần	Năm 2010 cổ phần
Số lượng cổ phần được phép ban hành	3.054.500	3.054.500
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	3.054.500	3.054.500
+ Cổ phần phổ thông	3.054.500	3.054.500
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	3.054.500	3.054.500
+ Cổ phần phổ thông	3.054.500	3.054.500
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần		

d. Cổ tức

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi trả cổ tức	<u>9.735.836.500</u>	<u>6.109.000.000</u>

(\*) Cổ tức chi trả trong năm bao gồm cổ tức còn lại của năm 2010 với số tiền là 3.015.936.500 đồng và khoản tạm chia cổ tức đợt 1 và đợt 2 đối với phần lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 2 tháng 6 năm 2011 và ngày 3 tháng 11 năm 2011. Công ty sẽ điều chỉnh việc chia cổ tức cho các cổ đông khi được Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 thông qua.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 Trình bày lại VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	9.579.081.230	9.683.170.537
Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống	6.053.652.154	9.110.480.968
Doanh thu cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch	303.973.283.307	297.524.075.988
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.596.961.436	1.461.836.610
Doanh thu dịch vụ khác	137.824.353.250	63.830.109.368
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>		
Hàng bán bị trả lại	686.511.787	529.974.521
Thuế tiêu thụ đặc biệt	489.864.785	293.639.137
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>196.647.002</u>	<u>236.335.384</u>
	<b>459.340.819.590</b>	<b>381.079.698.950</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 Trình bày lại VND
Giá vốn của dịch vụ khách sạn	4.337.419.565	3.974.241.125
Giá vốn của dịch vụ ăn uống	5.009.416.839	6.421.129.441
Giá vốn của dịch vụ hướng dẫn du lịch	321.310.447.906	280.799.357.603
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	807.280.381	30.555.805
Giá vốn của dịch vụ khác	90.422.523.623	55.358.834.657
Giá vốn kinh doanh chi phí chung	9.931.590.638	10.323.312.425
<b>Cộng</b>	<b>431.818.678.952</b>	<b>356.907.431.056</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi	2.731.499.271	3.230.993.475
Cổ tức lợi nhuận được chia	1.602.415	158.117.077
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.829.681	87.389.467
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	129.491.660	-
<b>Cộng</b>	<b>2.914.423.027</b>	<b>3.476.500.019</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	55.590.000	55.590.000
Lỗ do thu đồi ngoại tệ	194.749.039	296.062.325
Chi phí khác	52.798.514	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	10.235.703	-
<b>Cộng</b>	<b>313.373.256</b>	<b>351.652.325</b>

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	203.300.000	844.287.642
Thu từ thanh lý công cụ, dụng cụ	13.086.180	-
Thu nhập từ chuyển nhượng giấy phép kinh doanh Karaoke	411.818.181	-
Thu nhập khác	3.223.025.416	1.672.461.754
<b>Cộng</b>	<b>3.851.229.777</b>	<b>2.516.749.396</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	27.335.070	338.257.159
Chi phí khác	82.175.859	28.591.308
<b>Cộng</b>	<b>109.510.929</b>	<b>366.848.467</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.445.596.845	10.209.489.565
Các khoản điều chỉnh tăng	34.628.000	28.591.308
- Chi phí không có chứng từ hợp lệ	34.628.000	28.591.308
Các khoản điều chỉnh giảm :	1.602.415	158.117.077
- Cố tức được nhận	1.602.415	158.117.077
Tổng thu nhập chịu thuế	10.478.622.430	10.079.963.796
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.619.655.608</b>	<b>2.519.990.949</b>

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.825.941.237	7.689.498.616
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	7.825.941.237	7.689.498.616
Cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	<u>3.054.500</u>	<u>3.054.500</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.562</u></b>	<b><u>2.517</u></b>

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán**

Ngày 12 tháng 9 năm 2011, Công ty đã tiến hành niêm yết thành công cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là FDT. Số lượng chứng khoán niêm yết là 3.054.500 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết là 30.545.000.000 đồng.

**2. Số liệu so sánh**

Một số số liệu của kỳ báo cáo tài chính kỳ trước được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Công ty đã loại trừ doanh thu và giá vốn của các dịch vụ cung cấp trong nội bộ giữa các bộ phận với nhau nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh:

	Số liệu năm 2010 Trước điều chỉnh VND	Số liệu năm 2010 Điều chỉnh VND	Số liệu năm 2010 Trình bày lại VND
<b><i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i></b>	<b>402.447.578.897</b>	<b>(20.837.905.426)</b>	<b>381.609.673.471</b>
Doanh thu dịch vụ khách sạn	9.738.003.629	(54.833.092)	9.683.170.537
Doanh thu dịch vụ ăn uống	10.543.448.571	(1.432.967.603)	9.110.480.968
Doanh thu dịch vụ hướng dẫn du lịch	307.481.260.167	(9.957.184.179)	297.524.075.988
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	7.511.681.391	(6.049.844.781)	1.461.836.610
Doanh thu dịch vụ khác	67.173.185.139	(3.343.075.771)	63.830.109.368
<b><i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i></b>	<b>529.974.521</b>	-	<b>529.974.521</b>
Hàng bán bị trả lại	293.639.137	-	293.639.137
Thuế tiêu thụ đặc biệt	236.335.384	-	236.335.384
<b><i>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</i></b>	<b>401.917.604.376</b>	<b>(20.837.905.426)</b>	<b>381.079.698.950</b>

## V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

1. Kiểm toán độc lập: công ty kiểm toán IFC

2. Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Số: ...2699./2012/BCKT-IFC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của  
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 19 tháng 3 năm 2012 từ trang 4 đến trang 22. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến dạng chấp nhận toàn phần dựa trên báo cáo kiểm toán ngày 24 tháng 2 năm 2011.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

#### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Khúc Đình Dũng  
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0748/KTV  
Ngày 19 tháng 3 năm 2012

Phạm Tiến Dũng  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0747/KTV

## **VII. Các công ty có liên quan**

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty : Không có.
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ : Không có.
- Cổ đông và thành viên góp vốn nước ngoài: không có

## **VIII. Tổ chức và nhân sự**

- Cơ cấu tổ chức của công ty

### **+ Tình hình tổ chức bộ máy của đơn vị :**

Trong năm 2011, bộ máy của Công ty vẫn duy trì được sự ổn định, với cơ cấu cụ thể như sau :

\_ Ban Tổng giám đốc : gồm Tổng giám đốc, 02 Phó tổng giám đốc và 01 Trợ lý Tổng giám đốc.

\_ Các phòng ban, đơn vị trực thuộc :

#### **+ 08 Phòng Nghiệp vụ :**

- Phòng Kế toán - Tài chính – Kế hoạch;
- Phòng Hành chính – Nhân sự;
- Phòng Tiếp thị;
- Phòng Đối ngoại - Truyền thông;
- Ban Quản lý dự án;
- Phòng Giao dịch;
- Phòng Dịch vụ khách hàng và Quản lý chất lượng;
- Phòng Công nghệ thông tin.

#### **+ 08 Phòng Kinh doanh lữ hành:**

- Phòng Thị trường quốc tế;
- Phòng Du lịch trong nước;
- Phòng Du lịch nước ngoài;
- Đại lý Vé máy bay;
- Trung tâm du học;
- Trung tâm vận chuyển;
- Phòng Sự kiện.
- Hệ thống phân phối.

#### **+ 03 Phòng Nghiệp vụ Lữ hành :**

- Phòng Điều hành
- Phòng Hướng dẫn;
- Phòng Kế toán lữ hành.

#### **+ 03 đơn vị kinh doanh lưu trú:**

- Khách sạn Hoàng Gia;
- Cụm Khách sạn Đặng Dung – Tân Định – Hoàng Lan;
- Văn phòng cho thuê.

#### **+ Hệ thống Chi nhánh và Văn phòng giao dịch gồm:**

- Tại thành phố Hồ Chí Minh:
  - Chi nhánh Chợ Lớn;
  - Chi nhánh Hàng Xanh;
  - Văn phòng giao dịch Bạch Đằng.
- Tại các tỉnh thành khác:
  - Chi nhánh Hà Nội;
  - Chi nhánh Đà Nẵng;
  - Chi nhánh Cần Thơ.

\_ Tổ chức Đảng, Đoàn thể :

- + Chi bộ : gồm 22 Đảng viên;
- + Đoàn thanh niên : gồm 112 đoàn viên.

\_ Tổng số CBCNV chính thức tính đến hết năm 2011 là 537 người.

Tình hình tài chính và cơ sở vật chất :

- Vốn điều lệ : 30.545.000.000 đồng

\_ Cơ sở vật chất kỹ thuật : Công ty hiện đang quản lý khai thác kinh doanh các cơ sở như sau:

+ 03 Khách sạn, với tổng số 78 phòng (gồm khách sạn Hoàng Gia: 12 D Cách mạng tháng Tám, Khách sạn Đặng Dung: 54 Đặng Dung, Quận 1, Khách sạn Tân Định: 50A Đặng Dung, Quận 1) và 02 nhà hàng nằm trong khách sạn với sức chứa 200 chỗ ngồi (nhà hàng Đặng Dung, nhà hàng xoay).

- + Chi nhánh Chợ Lớn 385 Hồng Bàng, Quận 5
- + Chi nhánh 271 Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Bình Thạnh
- + Văn phòng giao dịch Bạch Đằng – Bình Thạnh.
- + Chi nhánh Fiditour tại Hà Nội
- + Chi nhánh Đà Nẵng
- + Chi nhánh Cần Thơ

◦ **Danh sách Ban Tổng Giám đốc**

Tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc	1958	020356189
Ông Đặng Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	1964	021730075
Ông Đoàn Thiện Tánh	Phó Tổng Giám đốc	1961	020458805

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành:

1. Tổng giám đốc

- Họ tên: NGUYỄN VIỆT HÙNG
- CMND số: 020356189 Ngày cấp: 28/7/2010 Nơi cấp: CA TP.HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/4/1958
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 161/2 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận I
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 083 9141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1981 – năm 1985 : Cán bộ nghiên cứu Phòng Khoa học quân sự, Bộ Tư lệnh TP.HCM
  - Từ năm 1985 – năm 1986 : Cán bộ nghiên cứu Văn phòng Quận ủy Quận I, TPHCM
  - Từ năm 1986 – năm 1989 : Chủ tịch UBND Phường 3, Quận I
  - Từ năm 1989 – năm 2004 : Phó bí thư Chi bộ, Giám đốc Công ty TMDVDL Tân Định (FIDITOURIST) thuộc Tổng công ty Du lịch Sài Gòn (SAIGONTOURIST)
  - Từ năm 2005 – đến nay: Đảng ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Tổng công ty Du lịch Sài Gòn, Phó bí thư Chi bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần du lịch Tân Định FIDITOURIST
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/12/2011:
  - Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 180.000 cổ phần
  - Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước nắm giữ của công ty: 300.000 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2011:
  - Vợ : Nguyễn Thị Thanh Hương : 71.770 cổ phần
  - Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không
  - Thu lao: 30.819.800 đồng/năm.
  - Các khoản lợi ích khác: không
  - Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

2. Phó tổng giám đốc

Họ tên: ĐOÀN THIỆN TÁNH

- CMND số: 020458805 Ngày cấp: 08/01/2004 Nơi cấp: CA TP.HCM
- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 08/4/1961
  - Nơi sinh: Tam Bình, Thủ Đức, TP.HCM
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: TP. Hồ Chí Minh
  - Địa chỉ thường trú: 52/53 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1
  - Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 083 9141414
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
  - Quá trình công tác:
    - Từ năm 1979 – năm 1983 : Tham gia LLVT, BCH. Quân sự Phường 4, Quận I
    - Từ năm 1983 – năm 1989 : Phó chủ tịch UBND Phường 4, Quận I
    - Từ năm 1989 – năm 1994 : Bí thư Chi bộ kiêm Phó giám đốc Công ty TMDVDL Tân Định Fiditourist
    - Từ năm 1995 – năm 1998 : Bí thư Chi bộ Công ty TMDVDL Tân Định (FIDITOURIST) kiêm Giám đốc Khách sạn Hoàng Gia
    - Từ năm 1998 – năm 2005 : Bí thư Chi bộ kiêm Phó giám đốc Công ty TMDVDL Tân Định (FIDITOURIST)
    - Từ năm 2005 – nay : Bí thư Chi bộ, Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần du lịch Tân Định FIDITOURIST
  - 14. Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
  - 15. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
  - 16. Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/12/2011:
    - Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 94.710 cổ phần
    - Số cổ phần đại diện nắm giữ của công ty : 0 cổ phần
  - 17. Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2011: không có
  - 18. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không
  - 19. Thu lao: 18.659.900 đồng
  - 20. Các khoản lợi ích khác: không
  - 21. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không
  - 22. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

### 3. Phó tổng giám đốc:

1. Họ tên: ĐẶNG TRUNG NGHĨA
  2. CMND số: 021730075 Ngày cấp: 30/06/2000 Nơi cấp: CA TP.HCM
  3. Giới tính: Nam
  4. Ngày tháng năm sinh: 23/10/1964
  5. Nơi sinh: Gia Định
  6. Quốc tịch: Việt Nam
  7. Dân tộc: Kinh

8. Quê quán: Tây Ninh  
 9. Địa chỉ thường trú: 52A Nguyễn Thái Sơn, P3, Gò Vấp  
 10. Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 083 9141414  
 11. Trình độ văn hóa: 12/12  
 12. Trình độ chuyên môn: Đại Học Kinh tế  
 13. Quá trình công tác:  
     - Từ năm 1970 – năm 1983 : Học sinh phổ thông  
     - Từ năm 1983 – năm 1987 : Sinh viên ĐH Kinh Tế  
     - Từ năm 1987 – năm 1989 : Nhân viên kế hoạch Công ty Văn Hóa Quận 11  
     - Từ năm 1989 – năm 1990 : Nhân viên kế hoạch Công ty Phát Hành Sách  
     - Từ năm 1990 – nay : Công tác tại Fiditour.  
 14. Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc  
 15. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có  
 16. Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/12/2011  
     - Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 68.150 cổ phần  
     - Số cổ phần đại diện nắm giữ của công ty : 0 cổ phần  
 17. Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2011: không có  
 18. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không  
 19. Thu lao: 18.659.900 đồng/năm  
 20. Các khoản lợi ích khác: không  
 21. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không  
 22. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không  
     - Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm : Không.  
     - Quyền lợi của Ban giám đốc : Tổng tiền lương , thường và thu nhập khác của ban tổng giám đốc trong năm 2011 là 1.374.680.100 đ.  
     - Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động trong Công ty tính đến 31/12/2011 là 537 người, với cơ cấu như sau:

Yêu tố	Số lượng	Tỷ lệ
<b>Phân theo trình độ lao động</b>		
■ Trên đại học	5	0.93
■ Đại học	205	38.17
■ Trình độ trung cấp và cao đẳng	217	40.41
■ Lao động phổ thông	110	20.49
<b>Phân theo đối tượng lao động</b>		
■ Lao động trực tiếp	332	61.82
■ Lao động gián tiếp	205	38.18

#### **4. 8. 1/ Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp**

##### **Chế độ làm việc**

Công ty thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ngày. Đối với bộ phận gián tiếp làm việc trong giờ hành chính và đảm bảo 40 giờ/ tuần. Đối với bộ phận làm việc trực tiếp như nhân viên khối lưu trú được bố trí làm việc theo ca, làm việc 48 giờ/ tuần.

##### **Chính sách lương**

Đối với cán bộ công nhân viên làm việc gián tiếp Công ty trả lương theo thời gian. Đối với cán bộ công nhân viên làm việc trực tiếp, Công ty trả lương theo chế độ thời gian và thường theo hiệu quả hoạt động kinh doanh từng cá nhân, căn cứ vào tính hiệu quả kinh doanh của từng cá nhân Công ty thường theo chế độ bậc thang 10%, 15%, 20%,... Nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hàng năm, cán bộ công nhân viên được xét tăng lương phụ thuộc vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và năng lực thực tế của nhân viên. Lương bình quân năm 2011 là 6.300.000 đ/ người/tháng.

##### **Chính sách khen thưởng**

Mức thu nhập của cán bộ công nhân viên được nâng cao đáng kể từ chế độ khen thưởng, bao gồm các hình thức: lương tháng 13, thưởng theo thành tích của Công ty dựa trên kết quả hoạt động hàng năm.

##### **Chế độ phúc lợi**

Việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và các chế độ phúc lợi khác được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Công ty còn tặng thêm bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBCNV để kịp thời chia sẻ các rủi ro. Ngoài ra, vào các dịp lễ lớn của quốc gia và quốc tế, Công ty đều có tặng quà cho cán bộ công nhân viên và gia đình.

##### **Chính sách đào tạo**

Công ty chú trọng công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm cung cấp dịch vụ ngày càng cao của Công ty đối với khách hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Chính sách đào tạo cho nhân viên bao gồm:Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ: Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ như: kỹ năng phục vụ khách hàng, kỹ năng bán hàng, kỹ năng hướng dẫn, kỹ năng PR, kỹ năng marketing,... Dựa vào tình hình nhu cầu thực tế, Công ty tổ chức

mở lớp đào tạo ngay tại Công ty hoặc gửi đi đào tạo tại các tổ chức, trung tâm đào tạo uy tín trong nước.

- Đào tạo về cán bộ phụ trách: đối với từng mảng dịch vụ khác nhau, Công ty có chính sách đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khả năng quản lý đối với cán bộ phụ trách chính.
- Đào tạo thông qua hội thảo: Công ty thường xuyên cử cán bộ chủ chốt tham dự buổi hội thảo chuyên đề các đơn vị có uy tín tổ chức nhằm học hỏi, bổ sung kiến thức phục vụ kinh doanh.

- Thay đổi thành viên HĐQT/ thành viên Hội đồng thành viên/ Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng: Không.

### VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

#### 1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT : Hội đồng quản trị có 07 thành viên, trong đó có 04 thành viên độc lập không điều hành là Ông Lê Văn An, Bà Thái Diệu Hà, ông Bùi Tân Tài và ông Huỳnh Bá Lân.

1. Ông Nguyễn Việt Hùng, chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.
2. Ông Lê Văn An, phó chủ tịch hội đồng quản trị.
3. Ông Đoàn Thiện Tánh, ủy viên hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc.
4. Ông Đặng Trung Nghĩa, ủy viên hội đồng quản trị, kiêm Phó tổng giám đốc.
5. Bà Thái Diệu Hà , ủy viên hội đồng quản trị.
6. Ông Bùi Tân Tài , ủy viên hội đồng quản trị.
7. Ông Huỳnh Bá Lân, ủy viên hội đồng quản trị.

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

1. Ông Vũ Văn Nhã, Trưởng ban kiểm soát.
2. Ông Đinh Lê Chiến, thành viên.
3. Ông Lâm Hải Đào, thành viên.
4. Ông Nguyễn Thanh Hải, thành viên.
5. Ông Phạm Xuân Đông, thành viên.

- Hoạt động của HĐQT:

#### Công tác điều hành :

Trong năm 2011, HĐQT đã tổ chức 3 phiên họp trực tiếp, nhiều phiên hội ý qua điện thoại, văn bản để thảo luận các vấn đề: Công tác tổ chức, công tác đầu tư, xây dựng kế hoạch và các biện

pháp triển khai hoạt động kinh doanh; báo cáo và đánh giá nhận định về kết quả kinh doanh quý, 6 tháng, năm nhằm cập nhật kịp thời thông tin để có chỉ đạo sâu sát.

#### Công tác tổ chức :

Tiếp tục củng cố hệ thống Chi nhánh trong cả nước, bổ sung nguồn lực quản lý cho các phòng ban, đơn vị, bổ nhiệm 23 cán bộ quản lý cấp trung.

#### Công tác chỉ đạo kinh doanh:

Hoạt động của HĐQT về công tác chỉ đạo kinh doanh gồm có:

- Đánh giá công tác kinh doanh định kỳ quý, 6 tháng, và cả năm 2011, đề ra phương hướng kinh doanh cho toàn Công ty.
- Thông qua HĐQT kế hoạch kinh doanh 2011 và các giải pháp thực hiện.
- Thảo luận trong HĐQT, nhận định tình hình kinh tế trong và ngoài nước, diễn biến thị trường và nghiên cứu tiềm lực của các đơn vị bạn, qua đó đề ra những giải pháp cụ thể, hữu hiệu nhất cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Thông qua HĐQT phương án chia cổ tức năm 2011.
- Hoàn tất thủ tục niêm yết chứng khoán và chính thức niêm yết cổ phiếu Fiditour với mã FDT tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 12/9/2011.

#### Công tác đầu tư :

- Đầu tư, sửa chữa nhà hàng xoay Hoàng Gia.
- Đầu tư vốn vào Công ty cổ phần Bình Châu, Sông Cầu, DIC.

#### Công tác khác :

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động trên cơ sở hợp lý.
- Rà soát sử dụng lao động phù hợp với quy mô kinh doanh.

#### Công tác đánh giá, kiểm điểm của HĐQT :

- Công tác tổ chức họp và ban hành nghị quyết :
  - HĐQT tổ chức các phiên họp thường kỳ để kiểm điểm, đánh giá kết quả kinh doanh, phê duyệt phương án, hạng mục đầu tư.
  - Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát Công ty trong việc theo dõi triển khai các nghị quyết đã ban hành.
- Công tác điều hành Công ty :

Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung của nghị quyết mà HĐQT đã thông qua.

- Thu lao các thành viên Hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2011: 193.294.200đ, cụ thể:

1. Nguyễn Việt Hùng	Chủ tịch HĐQT	30.819.800 đ
2. Lê Văn An	PCT HĐQT	8.000.000 đ (chuyển cho Tổng công ty du lịch Sài Gòn - TNHH MTV ).
3. Đoàn Thiện Tánh	UV HĐQT	18.659.900 đ
4. Đặng Trung Nghĩa	UV HĐQT	18.659.900 đ

5. Thái Diệu Hà	UV HĐQT	18.659.900 đ
6. Huỳnh Bá Lân	UV HĐQT	16.159.900 đ
7. Bùi Tấn Tài	UV HĐQT	18.659.900 đ
8. Vũ Văn Nhã	Trưởng BKS	20.424.900 đ
9. Đinh Lê Chiến	UV BKS	10.812.500 đ
10. Lâm Hải Đào	UV BKS	10.812.500 đ
11. Phạm Xuân Đông	UV BKS	10.812.500 đ
12. Nguyễn Thanh Hải	UV BKS	10.812.500 đ

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty : 04.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT :

- Ông Nguyễn Việt Hùng : 480.000 cổ phiếu, trong đó cá nhân nắm giữ 180.000 cổ phiếu và đại diện cho Tổng công ty du lịch Sài Gòn 300.000 cổ phiếu.
- Ông Lê Văn An : Đại diện cho Tổng công ty du lịch Sài Gòn 300.000 cổ phiếu.
- Ông Đoàn Thiện Tánh : 95.960 cổ phiếu
- Ông Đặng Trung Nghĩa : 68.150 cổ phiếu
- Bà Thái Diệu Hà : 66.120 cổ phiếu
- Ông Bùi Tấn Tài : 61.760 cổ phiếu
- Ông Huỳnh Bá Lân : 311.280 cổ phiếu, trong đó cá nhân nắm giữ 63.000 cổ phiếu và đại diện cho Công ty cổ phần Kiến Á 248.280 cổ phiếu.

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

+ Ông Phạm Xuân Đông, thành viên Ban kiểm soát, mua thêm 5000 cổ phiếu FDT, số lượng cổ phiếu FDT nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 81.730, chiếm 2.68% / tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh Hương, người có liên quan của Ông Nguyễn Việt Hùng – Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Fiditour – mua thêm 28.370 cổ phiếu FDT, số lượng cổ phiếu FDT nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 71.770, chiếm 2.35% / tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết.

+ Ông Nguyễn Thanh Hải, thành viên Ban kiểm soát, mua thêm 8.300 cổ phiếu FDT, số lượng cổ phiếu FDT nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 55.060, chiếm 1.8% / tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết.

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

## 2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	CĐ trong nước		CĐ nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Cổ đông là pháp nhân	10,167,40	33,29	0	0%	10167,40	33,29
Cổ đông là cá nhân	20.377,60	66,71	0	0%	20377,60	66,71
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.545,0</b>	<b>100.00%</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>30.545,0</b>	<b>100%</b>

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn: Căn cứ vào danh sách cổ đông của Công ty chốt vào ngày 21/3/2012, cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ của Công ty trên bao gồm:

Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ lệ
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH MTV (đại diện cho phần vốn nhà nước)	23 Lê Lợi, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	0300625210	600000	19,64
Công ty Cổ phần Kiến Á	Lầu 08, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P6, Q3, TP.HCM	0302443907	248280	8,13
Ông Nguyễn Việt Hùng	2/11 Cao Thắng, Q.3, TP.HCM.	020356189	180000	5,89
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.028.280</b>	<b>33,66%</b>

- Hoạt động của ban kiểm soát:

### 1. VỀ CÔNG TÁC GIÁM SÁT :

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 được tổ chức vào ngày 22-04-2011 đã thống nhất một số nội dung và kế hoạch kinh doanh trong năm 2011 của Công ty như sau :

- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2011.
- Thông qua chi phí thù lao cho HĐQT, BKS là 02% /tổng lợi nhuận trước thuế/năm.
- Thông qua mức chia cổ tức năm 2011 là 22 %.
- Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn và quyết định đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011.

Đặc biệt ngày 12-09-2011 cổ phiếu FDT đã chính thức giao dịch trên sàn HNX thông qua tổ chức tư vấn đăng ký niêm yết ACBS với giá tham chiếu là 20.000đ/cp so với giá trị tính toán là 18.000đ/cp

Qua một năm thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát FIDITOUR xin được báo cáo kết quả giám sát như sau :

- Mức chia cổ tức năm 2011 là 22 % (tương đương 2562 đ/cp ) bằng với kế hoạch đề ra từ đầu năm, tăng 2% so với năm 2010.
- Hoàn thành việc nâng cấp nhà hàng xoay Hoàng gia và đưa vào kinh doanh từ tháng 12/2011 với tổng kinh phí tương đương 1,5 tỷ.
- Đã thành lập chi nhánh Đà Nẵng (đây là chi nhánh thứ 3 của công ty).
- Hoàn tất thủ tục mua chỉ định các mặt bằng của Công ty ( trong đó mặt bằng 445 Bạch Đằng đã ký thỏa thuận mua, các mặt bằng còn lại đang chờ thẩm định giá).
- **Về hoạt động kinh doanh:**

Năm 2011 thật sự là một năm khó khăn cho tất cả mọi ngành kinh doanh nói chung và du lịch nói riêng, tuy nhiên với sự nỗ lực của CBCNV và chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng trên cơ sở 04 cam kết ( .... ) Công ty đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đề ra trong năm 2011 và được thể hiện qua số liệu như sau :

1. Doanh thu : 460 tỷ đạt 120 % so với năm 2010 (381,6 tỷ).
2. Lợi nhuận trước thuế : 10.4 tỷ đạt 102 % so với năm 2010 (10,2 tỷ).

Qua hai chỉ tiêu trên cho thấy Công ty vẫn đảm bảo kế hoạch đề ra và cổ tức chi trả trong năm 2011 đúng theo tỷ lệ dự kiến.

Ngoài ra BKS còn phối hợp với các phòng nghiệp vụ giám sát một số mặt hoạt động khác như :

- Công tác chăm sóc khách hàng ngày càng chuyên sâu, chất lượng sản phẩm được đảm bảo đúng như 04 cam kết khi bán cho khách hàng.
- Giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn nhất là nguồn tiền gửi ngân hàng và nguồn vốn phải thu phải trả
- Họp định kỳ cùng HĐQT và BKS, tham gia họp hàng tháng với B.TGD, Ban GD các đơn vị trực thuộc nhằm nắm thông tin về tình hình kinh doanh của Công ty và các diễn biến khác của thị trường có liên quan đến Công ty.
- Hoạt động kinh doanh của các chi nhánh chưa đạt hiệu quả như yêu cầu ngoài CN Hà Nội .

## 2. VỀ KIỂM SOÁT TÀI CHÍNH :

Căn cứ vào báo cáo tài chính ngày 31/12/2011 của Công ty Fiditour;

Căn cứ vào báo cáo kiểm toán ngày 19/03/2012 của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế IFC.

Qua báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011 của Ban TGĐ Công ty Fiditour, Ban kiểm soát xin xác nhận số liệu kết quả kinh doanh năm 2011 trên là chính xác. Ngoài ra BKS xin được trích báo cáo một số chỉ tiêu chính đã đạt trong năm 2011 như sau :

**Về tổng tài sản đạt :** 117,4 tỷ/158,9 tỷ đạt 74% so với năm 2010 .

*Về vốn chủ sở hữu đạt : 54,394 tỷ/54.228 tỷ tăng 0,3% so với năm 2010.*

*Về lợi nhuận sau thuế TNDN : 7,825 tỷ/7,689 tỷ đạt 101,76 % so với năm 2010 .*

*Về tình hình công nợ :*

- Khoản phải thu tạm ứng vé máy bay và nhân viên: 13,7 tỷ.
- Khoản phải thu kinh doanh dở dang chưa quyết toán: 20,4 tỷ.
- Khoản phải trả người mua 33,5 tỷ.
- Doanh thu chưa thực hiện 13,4 tỷ.

*Lãi chia cổ tức năm nay là : 6,719 tỷ đạt tỷ lệ 22 %.*

### 3. KIẾN NGHỊ :

Qua báo cáo hoạt động năm 2011 trên, BKS Công ty Fiditour xin có một số kiến nghị như sau :

- Tiếp tục cung cấp chất lượng sản phẩm bán cho khách hàng, thực hiện đúng 04 cam kết.
- Đại hội cổ đông ủy quyền cho HĐQT và Ban TGD nghiên cứu hoán đổi các mặt bằng nhỏ của công ty bằng của 01 mặt bằng phù hợp tại trung tâm .

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN VIỆT HÙNG**